

Số : 316 /QĐ-SYT

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v : Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh
thực hiện tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/09/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản thẩm định Danh mục kỹ thuật tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh ngày 31/01/2018;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 742 (Bảy trăm bốn mươi hai) kỹ thuật trong khám chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh (danh mục kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện đa khoa Đông Anh chịu trách nhiệm chỉ đạo Bệnh viện đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực để thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đã được phê duyệt; Thực hiện đúng các quy trình, quy định liên quan đến hoạt động khám, chữa bệnh.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Chánh thanh tra Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa Đông Anh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đ/c GD Sở Y tế; (để báo cáo)
- Lưu VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thị Nhị Hà

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG TRONG KHÁM, CHỮA BỆNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐÔNG ANH
(Kèm theo Quyết định số 334/QĐ-SYT ngày 22/12/2018 của Sở Y tế)

1	2	3	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
STT	TT21	I. HÔ HẤP	A	B	C	D
1	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	x	x	x	
2	306	Đo áp lực của bóng chèn ở bệnh nhân đặt nội khí quản hoặc mở khí quản	x	x	x	
3	307	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
4	309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở	x	x	x	
5	310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở	x	x	x	
6	311	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
7	316	Đo thể tích khí tự thở và áp lực âm tối đa đường thở thì hít vào	x	x	x	
		K.TIM MẠCH				
8	317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
9	318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
10	319	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
11	320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
12	323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
13	325	Đo và theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm qua cổng đo áp lực trên máy theo dõi	x	x	x	
		L.TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU				
14	333	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x	x	
15	334	Chăm sóc ống thông bàng quang	x	x	x	x
16	335	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
17	336	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	

CK

		M. THẦN KINH				
18	345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
		O. TIÊU HÓA				
19	354	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
20	356	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	x	x	x	
21	357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	x	x	x	
22	358	Đo áp lực ổ bụng trong hồi sức cấp cứu	x	x	x	
23	360	Theo dõi liên tục áp lực ổ bụng gián tiếp qua bàng quang	x	x	x	
		P. CHỐNG ĐỘC				
24	362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
25	363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu	x	x	x	
26	364	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	x	x	x	
27	366	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi	x	x	x	
		III. NHI KHOA				
		VIII. BỎNG				
	TT43	A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BỎNG				
28	1474	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu tiếp, trên 3% diện tích cơ thể trở lên ở trẻ em	x			
29	1475	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu toàn lớp, trên 1% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x			
30	1476	Ghép da tự thân kiểu mảnh lớn, trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
31	1477	Ghép da tự thân kiểu mắt lưới (mesh graft), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
32	1478	Ghép da tự thân kiểu tem thư (post stom), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
33	1483	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da mỏng tự thân, trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
34	1484	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da dày tự thân, trên 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
35	1493	Ghép da tự thân kiểu mảnh lớn, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		

26

36	1494	Ghép da tự thân kiểu mắt lưới (mesh graft), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
37	1500	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại điều trị vết thương, vết bỏng (tế bào sừng, nguyên bào sợi, tế bào	x	x		
38	1501	Sử dụng các sản phẩm từ nuôi cấy tế bào dạng dung dịch để điều trị vết thương, vết bỏng	x	x		
		XIV. LAO				
39	2401	Phẫu thuật thay chỏm xương đùi do lao	x			
40	2402	Phẫu thuật thay khớp háng do lao	x			
41	2430	Phẫu thuật chỉnh hình khớp vai bị dính do lao	x	x		
42	2431	Phẫu thuật chỉnh hình khớp khuỷu bị dính do lao	x	x		
43	2432	Phẫu thuật chỉnh hình khớp cổ-bàn tay bị dính do lao	x	x		
44	2433	Phẫu thuật chỉnh hình khớp cổ-bàn chân bị dính do lao	x	x		
45	2436	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu các khớp ngoại biên	x	x		
		XV. UNG BƯỚU				
		B. THẦN KINH SỢ NÃO, CỘT SỐNG				
46	2490	Cắt u dây thần kinh ngoại biên	x	x		
		Đ. TAI – MŨI – HỌNG				
47	2588	Cắt u nang cằm ức	x	x		
48	2589	Cắt u bạch mạch vùng cổ	x	x		
49	2590	Cắt u máu vùng cổ	x	x		
50	2591	Cắt u biểu bì vùng cổ	x	x		
		E. LÒNG NGỰC – TIM MẠCH – PHỔI				
51	2638	Phẫu thuật vét hạch nách	x	x		
52	2640	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10cm	x	x		
53	2643	Cắt u xương sườn 1 xương	x	x		
		L. PHẦN MỀM – XƯƠNG KHỚP				
54	2757	Cắt u thần kinh	x	x		
55	2758	Cắt u xương, sụn	x	x		
56	2761	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm	x	x		

24

		XIX. NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
57	3077	Khâu nối dây thần kinh ngoại biên	x	x		
58	3079	Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm	x	x		
		B. TIM MẠCH – LÒNG NGỰC				
		3. Động tĩnh mạch				
59	3213	Bóc lớp vỏ ngoài của động mạch	x	x		
60	3214	Khâu vết thương mạch máu chi	x	x		
61	3215	Lấy máu cục làm nghẽn mạch	x	x		
		4. Ngực - phổi				
62	3234	Mở lồng ngực thăm dò	x	x		
63	3248	Dẫn lưu áp xe phổi	x	x		
64	3255	Cắt một xương sườn trong viêm xương	x	x		
65	3257	Mở ngực lấy máu cục màng phổi	x	x		
66	3258	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi, khâu lỗ thủng	x	x		
67	3259	Khâu lại vết phẫu thuật lồng ngực bị nhiễm khuẩn	x	x		
68	3262	Kéo liên tục một mảnh sườn hay mảnh ức sườn	x	x	x	
		E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		1. Cột sống - Ngực				
69	3617	Phẫu thuật kết hợp xương, ghép xương sau trượt đốt sống L4-5, L5-S1	x			
70	3626	Phẫu thuật trư-ợt thân đốt sống	x			
71	3627	Nắn tr-ượt và cố định cột sống trong tr-ượt đốt sống	x			
72	3628	Ghép xương chấn thương cột sống thắt lư-ng	x			
73	3629	Cố định cột sống bằng buộc luôn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phư-ơng pháp Luqué)	x	x		
74	3630	Cố định cột sống bằng vít qua cuống	x	x		
75	3631	Cố định cột sống và hàn khớp qua liên thân đường sau (PLIP)	x	x		
76	3632	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt phía sau qua lỗ liên hợp (TLIP)	x	x		
77	3633	Mở cung sau và cắt bỏ mòm khớp dưới	x	x		
78	3634	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lư-ng	x	x		
79	3635	Cắt bỏ dây chằng vàng	x	x		
80	3636	Mở cung sau cột sống ngực	x	x		
81	3637	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lư-ng	x	x		
82	3638	Phẫu thuật cố định cột sống bằng cung kim loại	x	x		

ck

83	3639	Phẫu thuật thần kinh chức năng cắt rễ thần kinh chọn lọc	x	x		
84	3641	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống ngực	x	x		
85	3642	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống thắt lưng	x	x		
		2. Vai				
86	3643	Phẫu thuật xương bả vai lên cao	x			
87	3644	Phẫu thuật di chứng liệt cơ Delta, nhị đầu, tam đầu	x			
88	3645	Phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x		
89	3646	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	x	x		
90	3648	Tháo khớp vai	x	x		
91	3650	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương	x	x		
92	3651	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x		
		3. Cánh, cẳng tay				
93	3654	Chuyển gân liệt thần kinh quay, giữa hay trụ	x			
94	3655	Tái tạo dây chằng vòng khớp quay trụ trên	x			
95	3656	Phẫu thuật kết hợp xương không mở ổ gãy dưới C Arm	x			
96	3657	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương	x			
97	3658	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	x			
98	3659	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x		
99	3660	Kéo dài chi trên bằng phương pháp Ilizarov	x	x		
100	3661	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	x	x		
101	3663	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu	x	x		
102	3668	Cắt đoạn khớp khuỷu	x	x		
103	3674	Phẫu thuật di chứng bại liệt chi trên	x	x		
104	3680	Cắt cụt cánh tay	x	x		
105	3681	Tháo khớp khuỷu	x	x		
106	3682	Cắt cụt cẳng tay	x	x		
107	3683	Tháo khớp cổ tay	x	x		
108	3687	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	x	x	x	
		4. Bàn, ngón tay				
109	3692	Phẫu thuật bàn tay, chỉnh hình phức tạp	x			
110	3693	Thay khớp liên đốt các ngón tay	x			
111	3694	Đặt vít gãy trật xương thuyền	x			
112	3695	Phẫu thuật chuyển cơ gân ngăn ngón I điều trị tách ngón I bẩm sinh	x			
113	3696	Phẫu thuật điều trị tách bàn tay (càng cua)	x			
114	3697	Phẫu thuật điều trị trật khớp bàn- ngón I bẩm sinh	x			

CA

115	3698	Phẫu thuật chuyển gân điều trị cò ngón tay do liệt vận động	x	x		
116	3699	Kéo dài ngón tay bằng khung cố định ngoài	x	x		
117	3700	Phẫu thuật tạo gấp cổ tay do bại não	x	x		
118	3701	Phẫu thuật Capsulodesis Zancolli giải quyết biến dạng vuốt trụ	x	x		
119	3702	Cắt dị tật bẩm sinh về bàn và ngón tay	x	x		
		5. Hông - Đùi				
120	3713	Phẫu thuật điều trị trật khớp háng bẩm sinh	x			
121	3714	Phẫu thuật điều trị Perthes (cắt xương tạo varus)	x			
122	3715	Phẫu thuật điều trị Perthes (cắt xương chậu, tạo mái che đầu xương đùi)	x			
123	3716	Phẫu thuật cứng cơ may	x			
124	3717	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy ở cối phức tạp	x			
125	3718	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy khung chậu	x			
126	3719	Phẫu thuật làm dính sụn tiếp hợp điều trị ngắn chi	x			
127	3720	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương	x			
128	3721	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	x	x		
129	3722	Phẫu thuật toác khớp mu	x	x		
130	3723	Tháo khớp háng	x	x		
131	3724	Làm cứng khớp ở tư- thể chức năng	x	x		
132	3725	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng	x	x		
133	3726	Phẫu thuật cắt cụt đùi	x	x		
134	3727	Kết xương đỉnh nẹp một khối gãy liên mấu chày hoặc dưới mấu chày	x	x		
135	3729	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	x	x		
136	3730	Phẫu thuật trật khớp háng	x	x		
137	3731	Phẫu thuật vỡ trần ở khớp háng	x	x		
138	3734	Kéo dài đùi bằng phương pháp Ilizarov	x	x		
139	3735	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x		
140	3736	Phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não	x	x		
141	3740	Cắt cụt dưới mấu chày chuyển xương đùi	x	x		
142	3741	Phẫu thuật viêm xương đùi đực, mô, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x		
		6. Khớp gối				
143	3745	Tái tạo dây chằng trước khớp gối	x			
144	3746	Tạo hình dây chằng chéo khớp gối	x			
145	3747	Lấy bỏ sụn chêm khớp gối	x			
146	3748	Phẫu thuật trật khớp gối bẩm sinh	x			
147	3749	Lấy bỏ toàn bộ xương bánh chè	x	X		
148	3750	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh	x	X		

149	3751	Phẫu thuật thay lại dây chằng chéo trước khớp gối	x	X		
150	3752	Phẫu thuật gấp khớp gối do bại não, nối dài gân cơ gấp gối, cắt thần kinh	x	X		
151	3755	Tháo khớp gối	x	X	x	
		7. Cẳng chân				
152	3757	Phẫu thuật làm dính sụn tiếp hợp điều trị ngón chi	x			
153	3759	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	x	x		
154	3761	Phẫu thuật chân chữ O	x	x		
155	3762	Phẫu thuật chân chữ X	x	x		
156	3764	Kéo dài cẳng chân bằng phương pháp Ilizarov	x	x		
157	3765	Phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương	x	x		
158	3767	Phẫu thuật thiếu xương mác bẩm sinh	x	x		
159	3768	Chuyển cân liệt thần kinh mác nông	x	x		
160	3769	Phẫu thuật chuyển gân điều trị bàn chân rũ do liệt vận động	x	x		
161	3770	Phẫu thuật di chứng bại liệt chi dưới	x	x		
162	3771	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương	x	x		
163	3772	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x		
164	3775	Cắt cụt cẳng chân	x	x		
165	3776	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x		
166	3777	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	x	x		
		8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân				
167	3780	Phẫu thuật điều trị bàn chân khoèo do bại não	x			
168	3781	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân bẹt bẩm sinh	x			
169	3782	Phẫu thuật điều trị bàn chân bẹt do bại não	x			
170	3783	Phẫu thuật điều trị tách bàn chân (càng cua)	x			
171	3784	Phẫu thuật điều trị bàn chân lồi- xoay ngoài	x			
172	3787	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	x	x		
173	3789	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	x	x		
174	3790	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân khoèo	x	x		
175	3791	Phẫu thuật bàn chân duỗi đồ	x	x		
176	3792	Tháo một nửa bàn chân trước	x	x		
177	3794	Đặt nẹp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	x	x		
178	3795	Tháo khớp cổ chân	x	x		
179	3796	Tháo khớp kiểu Pirogoff	x	x		
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				

CF

180	3800	Phẫu thuật bong bóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	x	x		
181	3801	Chuyển vật da có cuống mạch	x	x		
182	3802	Tạo hình các vật da che phủ, vật trượt	x	x		
183	3805	Khâu nối thần kinh	x	x		
184	3806	Gỡ dính thần kinh	x	x		
185	3807	Vá da dày toàn bộ, diện tích bằng và trên 10cm ²	x	x		
186	3808	Phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Colli)	x	x		
187	3809	Ghép da rời rộng mỗi chiều trên 5cm	x	x		
188	3810	Ghép da tự do trên diện hẹp	x	x		
189	3812	Bơm rửa ổ áp xe khớp (khớp háng, khớp gối ...)	x	x		
190	3813	Phẫu thuật viêm khớp mũ thứ phát có sai khớp	x	x		
191	3814	Dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	x	x		
		10. Nắn - Bó bột				
192	3828	Bột Corset Minerve, Cravate	x	x		
193	3829	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	x	x		
194	3830	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	x	x		
195	3831	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	x	x		
196	3832	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x		
197	3836	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
198	3837	Nắn, bó bột gãy xương hàm	x	x	x	
		11. Các kỹ thuật khác				
199	3879	Cắt u máu trong xương	x			
200	3880	Bắt vít qua khớp	x			
201	3881	Phẫu thuật loạn sản tổ chức tiên thiên không lồ	x			
202	3882	Tạo hình thân đốt sống qua da bằng đồ cement	x			
203	3883	Phẫu thuật kéo dài chi	x	x		
204	3884	Đục nạo xương viêm và chuyển vật che phủ	x	x		
205	3885	Nắn bó giai đoạn trong cơ quan vận động	x	x		
206	3886	Ghép trong mất đoạn xương	x	x		
207	3889	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy	x	x		
208	3891	Phẫu thuật Doenig	x	x		
209	3892	Gia cố xương bằng vật liệu nhân tạo	x	x		
210	3893	Chuyển cơ chức năng có cuống	x	x		
211	3894	Chuyển xoay vật da, cơ ghép có cuống mạch liên không nối	x	x		
212	3895	Tạo hình mở xương phức tạp (osteotomy)	x	x		
213	3897	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh vận động	x	x		
214	3906	Đặt túi bơm giãn da	x	x	x	
215	3907	Chuyển xoay vật da ghép có cuống mạch liên không nối	x	x		

66

		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
216	3920	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	x	x		
217	3921	Phẫu thuật sinh thiết tổ chức phần mềm bề mặt	x	x		
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG				
218	4142	Phẫu thuật nội soi hội chứng ống cổ tay	x			
219	4143	Phẫu thuật nội soi ghép sụn xương điều trị tổn thương sụn khớp gối	x			
220	4144	Phẫu thuật nội soi điều trị khớp cổ chân đến muộn	x			
221	4146	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân điều trị đau mãn tính sau chấn thương	x			
222	4149	Phẫu thuật nội soi điều trị xơ hóa cơ ức đòn chũm	x			
223	4150	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	x			
224	4151	Phẫu thuật nội soi hàn cứng khớp cổ chân	x			
225	4152	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	x			
226	4153	Phẫu thuật nội soi điều trị thoái hóa khớp cổ chân	x	x		
227	4154	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân	x	x		
228	4156	Phẫu thuật nội soi cắt lọc khâu rách chóp xoay qua nội soi khớp vai	x	x		
		IV. LAO (NGOẠI LAO)				
229	4	Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống có đặt lồng Titan và nẹp vít	x			
230	5	Phẫu thuật đặt lại khớp háng tư thế xấu do lao	x			
231	6	Phẫu thuật thay khớp háng do lao	x			
232	7	Phẫu thuật chỉnh hình khớp gối do lao	x			
233	8	Phẫu thuật thay khớp gối do lao	x			
234	9	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống ngực	x	x		
235	10	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống lưng-thắt lưng	x	x		
236	11	Phẫu thuật lao cột sống thắt lưng-cùng	x	x		
		V. DA LIỄU				
237	23	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da	x	x		
238	24	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	x	x		
239	71	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	x	x	x	
		X. NGOẠI KHOA				
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		1. Vùng vai-xương đòn				
240	714	Phẫu thuật thay khớp vai nhân tạo	x	x		

Ch

241	715	Phẫu thuật tạo hình bệnh xương bả vai lên cao	x			
242	717	Phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai	x	x		
243	718	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x		
244	719	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn	x	x	x	
245	720	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x		
246	721	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x		
		2. Vùng cánh tay				
247	727	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x		
248	728	Phẫu thuật KHX phẫu thuật tạo hình điều trị cứng	x	x		
249	729	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	x	x		
250	730	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
251	732	Phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay	x	x		
252	733	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x		
		3. Vùng cẳng tay				
253	734	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x	
254	735	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x		
255	736	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x		
256	737	Phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x		
257	738	Phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x		
258	739	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x		
259	740	PT KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x		
260	741	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu	x	x		
261	742	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn	x	x		
262	743	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quơng quay	x	x		
263	744	Phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay	x			
		4. Vùng bàn tay				
264	749	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	x	x		
265	750	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	x	x		
266	751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	x	x		
		5. Vùng chậu				
267	753	Phẫu thuật KHX gãy cánh chậu	x	x		
268	754	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x			
269	755	Phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x		
270	756	Phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x		
271	757	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x		
272	758	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp	x			
		6. Vùng đùi				

CG

273	759	Phẫu thuật KHX gây bán phần chòm xương đùi	x	x		
274	761	Phẫu thuật KHX gây cổ xương đùi	x	x		
275	762	Phẫu thuật KHX gây cổ mấu chuyển xương đùi	x	x		
276	763	Phẫu thuật KHX gây liên mấu chuyển xương đùi	x	x		
277	764	Phẫu thuật KHX gây trật cổ xương đùi	x	x		
278	765	Phẫu thuật KHX gây thân xương đùi	x	x		
279	766	Phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương đùi	x	x		
280	767	Phẫu thuật KHX gây lồi cầu ngoài xương đùi	x	x		
281	768	Phẫu thuật KHX gây lồi cầu trong xương đùi	x	x		
282	769	Phẫu thuật KHX gây trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x		
283	770	Phẫu thuật KHX gây thân xương đùi phức tạp	x	x		
		7. Khớp gối				
284	772	Phẫu thuật KHX gây bánh chè	x	x		
285	773	Phẫu thuật KHX gây xương bánh chè phức tạp	x	x		
		8. Vùng cẳng chân				
286	775	Phẫu thuật KHX gây mâm chày trong	x	x		
287	776	Phẫu thuật KHX gây mâm chày ngoài	x	x		
288	778	Phẫu thuật KHX gây mâm chày + thân xương chày	x	x		
289	779	Phẫu thuật KHX gây thân xương chày	x	x		
290	780	Phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân	x	x		
291	781	Phẫu thuật KHX gây xương mác đơn thuần	x	x		
292	784	Phẫu thuật KHX gây mắt cá trong	x	x		
293	785	Phẫu thuật KHX gây mắt cá ngoài	x	x		
294	786	Phẫu thuật KHX gây mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x		
		10. Gãy xương hở				
295	793	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân	x	x		
296	794	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân	x	x		
297	795	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x		
298	798	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x		
299	799	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x		
300	800	Phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x		
301	801	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay	x	x		
302	802	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x		
303	803	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x		
304	805	Cổ định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên	x	x		
305	806	Cổ định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới	x	x		
		11. Tổn thương phần mềm				
306	810	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	x	x		
307	811	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	x	x		
		12. Vùng cổ tay-bàn tay				
308	815	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x		

309	816	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x		
310	817	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x		
311	818	Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I	x			
312	819	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x		
313	820	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x		
314	821	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x		
315	822	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay	x			
316	823	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	x	x		
317	824	Phẫu thuật tái tạo dây chằng xương thuyền	x			
318	825	Phẫu thuật Tái tạo tổn thương mạn tính dây chằng xương thuyền	x			
319	826	Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón 1 bàn tay	x	x		
320	827	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay	x	x		
321	828	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	x	x		
322	829	Phẫu thuật phương pháp Suave.Kapandji và điều trị viêm khớp quay trụ dưới	x			
323	830	Phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x			
324	831	Phẫu thuật điều trị khớp giả xương thuyền bằng mảnh ghép xương cuống mạch liền	x			
325	840	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	x	x		
326	841	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì	x			
327	842	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	x	x		
328	843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	x	x		
329	844	Phẫu thuật thay khớp bàn, ngón tay nhân tạo	x			
330	845	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	x	x		
331	846	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	x	x		
332	847	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x		
333	852	Phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh	x			
334	853	Phẫu thuật chuyển ngón tay	x			
335	854	Phẫu thuật làm đối chiếu ngón 1 (thiếu dưỡng ô mô cái)	x			
336	855	Chỉnh hình trong bệnh Arthrogryposis (Viêm dính nhiều khớp bẩm sinh)	x			
337	856	Chỉnh hình tật dính quay trụ trên bẩm sinh	x			
338	857	Chỉnh hình bệnh co rút nhị đầu và cơ cánh tay trước	x			
339	859	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	x			
		13. Vùng cổ chân-bàn chân				
340	865	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	x	x		
341	866	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	x	x		

66-

342	870	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x		
343	871	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	x	x		
344	874	Cắt chân thương cổ và bàn chân	x	x		
345	875	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	x	x		
346	876	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	x	x		
347	877	Phẫu thuật tổn thương gân Achilles	x	x		
348	878	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	x	x		
349	879	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	x	x		
350	880	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	x	x		
		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình				
351	881	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	x	x		
352	882	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x		
353	883	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	x			
354	884	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	x			
355	885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles	x	x		
356	887	Phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh	x			
357	888	Chuyển gân điều trị liệt đám rối thần kinh cánh tay	x			
358	890	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại liệt	x			
359	891	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại não	x	x		
360	892	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khoèo theo phương pháp PONESETI	x	x		
361	893	Chuyển vạt da cân - cơ cuống mạch liên	x	x		
362	894	Ghép xương có cuống mạch nuôi	x			
363	895	Chuyển vạt cân cơ cánh tay trước	x			
364	896	Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ X, O)	x	x		
365	897	Trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
366	898	Phẫu thuật trật bánh chè bẩm sinh	x	x		
367	899	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải	x	x		
368	900	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi	x	x		
369	902	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm	x	x		
370	903	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối	x			
		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em				
371	904	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x		
372	906	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
373	907	Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET	x			
374	915	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	x	x		
375	917	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	x	x		
376	918	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	x	x		

CL

377	919	P. thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x		
378	920	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	x	x		
379	921	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x		
380	922	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân	x			
381	923	P. thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x			
382	924	Phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	x			
383	925	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý	x			
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
384	927	Phẫu thuật thay khớp gối bán phần	x			
385	928	Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương	x			
386	931	P. thuật thay đoạn xương ghép bảo quản bằng kỹ thuật cao	x			
387	932	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng	x	x		
388	933	Phẫu thuật ghép chi	x			
389	934	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	x	x	x	
390	935	Phẫu thuật kéo dài chi	x	x		
391	936	Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền	x			
392	937	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo	x	x		
393	938	Phẫu thuật làm vận động khớp gối	x			
394	940	Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi	x			
395	941	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim K. Wire)	x			
396	944	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	x	x		
397	946	Phẫu thuật chuyển gân chi (Chuyển gân chày sau, chày trước, cơ mác bên dài)	x			
398	948	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay	x	x		
399	949	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chì thép)	x	x		
400	950	Phẫu thuật làm cứng khớp gối	x			
401	951	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối	x			
402	952	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	x	x		
403	953	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	x	x		
404	957	PT điều trị gãy xương/ đặt lại xương trên một vùng chi thể (không sử dụng các phương tiện kết hợp)	x	x		
405	960	Phẫu thuật vá da diện tích <5cm ²	x	x		
406	963	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)	x	x		

C4

407	964	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)	x	x		
408	965	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)	x	x		
409	967	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	x			
410	968	Phẫu thuật ghép xương tự thân	x	x		
411	969	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo	x			
412	970	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm	x	x		
413	971	Lấy u xương (ghép xi măng)	x	x		
414	972	Phẫu thuật U máu	x			
415	973	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	x			
416	974	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	x			
417	975	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh	x			
418	976	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	x	x		
419	977	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm ²	x	x		
420	983	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x		
421	984	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	x	x	x	
		17. Nắn- Bó bột				
422	987	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	x	x		
423	988	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x		
424	989	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x		
425	990	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x		
426	991	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
427	992	Bột Corset Minerve, Cravate	x	x		
428	993	Nắn, bó bột gãy xương hàm	x			
429	994	Nắn, bó bột cột sống	x	x		
430	995	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x		
431	996	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x		
432	997	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x		
433	998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x		
434	999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x		
435	1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x		
436	1001	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x		
437	1002	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x		
438	1004	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay	x	x		
439	1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay	x	x		
440	1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay	x	x		
441	1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x		
442	1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau – Colles	x	x		
443	1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x		
444	1010	Nắn, bó bột trật khớp hang	x	x		
445	1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x		
446	1013	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x		

66

447	1014	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	x	x		
448	1018	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x		
449	1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x		
450	1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x		
451	1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x		
452	1022	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x		
453	1023	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x		
454	1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x		
455	1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x		
456	1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x		
457	1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x		
458	1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x		
459	1030	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x		
460	1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x		
461	1032	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x		
		H. CỘT SỐNG				
		1. Cột sống cổ				
462	1051	Phẫu thuật nang Tarlov	x	x		
		2. Cột sống ngực				
463	1052	Cố định cột sống ngực bằng hệ thống móc	x			
464	1053	Phẫu thuật mở cung sau cột sống ngực	x	x		
465	1054	Lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn	x			
466	1061	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương	x			
467	1062	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium	x			
468	1063	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lồi sau	x	x		
469	1064	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng cố định lồi bên	x	x		
		3. Cột sống thắt lưng				
470	1065	Đặt nẹp cố định cột sống phía trước và ghép xương (nẹp Kaneda, chữ Z)	x			
471	1066	Cố định cột sống bằng buộc luôn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phương pháp Luqué)	x	x		
472	1067	Cố định cột sống và cánh chậu	x			
473	1072	Phẫu thuật cố định cột sống thắt lưng sử dụng hệ thống nẹp bán động	x			
474	1073	Lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)	x			
475	1074	Cố định CS và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau (PLIF)	x	x		

65

476	1075	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	x	x		
477	1076	Ghép xương trong PT chấn thương cột sống thắt lưng	x	x		
478	1078	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	x	x		
		4. Các phẫu thuật ít xâm lấn				
479	1083	Tạo hình thân đốt sống bằng bom cement sinh học qua cuống	x			
480	1084	Tạo hình thân đốt sống bằng bom cement sinh học có bóng	x			
481	1085	Tạo hình thân đốt sống bằng bom cement sinh học có lồng titan	x			
482	1086	Bom ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống	x	x		
		I. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
483	1094	Phẫu thuật vết thương tủy sống	x	x		
484	1095	Phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống	x	x		
485	1098	Phẫu thuật dị vật tủy sống, ống sống.	x	x		
486	1099	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng	x	x		
487	1100	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng	x	x		
488	1101	Mở cung sau và cắt bỏ móm khớp dưới	x	x		
489	1108	Phẫu thuật cột sống điều trị các bệnh lý cột sống tái phát	x			
	TT21					
490	1118	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp gối	x	x		
		XI. BÔNG				
		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
	TT43	1. Thay băng bông				
491	1	Thay băng điều trị vết bông trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
492	2	Thay băng điều trị vết bông từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
493	3	Thay băng điều trị vết bông từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
494	8	Thay băng điều trị vết bông từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
495	14	Gây mê thay băng bông	x	x	x	
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông				

C6

496	17	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
497	18	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
498	19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
499	20	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
500	21	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
501	22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
502	23	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
503	24	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
504	26	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
505	29	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
506	30	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
507	32	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
508	33	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
509	35	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
510	36	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
511	37	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
512	38	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
513	39	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
514	41	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
515	43	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
516	44	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
517	45	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
518	47	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			

Cir

519	48	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
520	49	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
521	50	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
522	51	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) $\geq$ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
523	52	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
524	53	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) $\geq$ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
525	54	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
526	58	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại điều trị vết thương, vết bỏng	x	x		
527	59	Sử dụng các sản phẩm dạng dung dịch từ nuôi cấy tế bào để điều trị vết thương, vết bỏng	x	x	x	
528	60	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause $\geq$ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x			
529	61	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x		
530	62	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause $\geq$ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu	x			
531	63	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu	x	x		
532	64	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq$ 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
533	65	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
534	66	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq$ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
535	67	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
536	68	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị bỏng sâu	x	x		
537	69	Phẫu thuật chuyển vạt da kiểu Ý điều trị bỏng sâu	x	x		
		3. Các kỹ thuật khác				
538	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x	x	x	x
539	80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng	x	x	x	x
540	81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x	x	x	x
541	82	Sơ cấp cứu bỏng acid	x	x	x	x
542	83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x	x	x	x
543	84	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	x	x	x	
544	85	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x	

CC

545	86	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa	x	x	x	
546	87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	x	x	x	
547	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	x
548	91	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng	x	x		
549	100	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bỏng	x	x		
550	101	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 48h điều trị vết thương, vết bỏng	x	x		
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG				
551	105	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	x	x		
552	106	Kỹ thuật đặt túi giãn da điều trị sẹo bỏng	x	x		
553	107	Phẫu thuật cắt sẹo, lấy bỏ túi giãn da, tạo hình ổ khuyết	x	x		
554	113	Sử dụng vạt 5 cánh (five flap) trong điều trị sẹo bỏng	x	x		
		C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
555	117	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	x	x		
556	119	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại trong điều trị vết thương mạn tính	x	x		
		XII. UNG BƯỚU				
		A. ĐẦU-CỔ				
557	5	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ phức tạp	x			
558	9	Cắt các loại u vùng mặt phức tạp	x			
		E. LÒNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI				
559	172	Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x		
560	173	Cắt u xương sườn nhiều xương	x	x		
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
561	315	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó	x			
562	316	Cắt u máu/u bạch mạch lan toả, đường kính bằng và	x	x		
563	337	Cắt u máu trong xương	x			
564	338	Bơm xi măng vào xương điều trị u xương	x			
565	339	Cắt u nang tiêu xương, ghép xương	x			
566	340	Cắt u tế bào không lồ, ghép xương	x			
		XIV.MẮT				
567	5	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL	x	x		
568	9	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quáng gà,	x	x		
569	42	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phôi hợp cắt dịch kính	x	x		
570	43	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x		

Ch

571	50	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x		
572	51	Mở bao sau bằng phẫu thuật	x	x		
573	91	Cắt u	x			
574	107	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ	x	x		
575	237	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)	x	x		
576	259	Đo khúc xạ giác mạc Javal	x	x	x	
577	275	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	x	x	x	
	TT21					
578	293	Siêu âm + đo trực nhãn cầu (Thông tư 21)	x	x	x	
		XVI. RĂNG - HÀM - MẶT				
	TT43	B. HÀM MẶT				
579	268	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép	x	x		
580	269	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít	x	x		
581	270	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
582	285	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng máng phẫu thuật	x	x		
583	286	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2	x	x		
584	287	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố	x	x		
585	288	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố	x	x		
586	290	Điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	x	x		
587	294	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x		
588	297	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hỏa	x	x		
589	298	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
590	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	
591	300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
592	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
593	333	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tủy lan tỏa vùng hàm	x	x		
594	334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
595	335	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
596	336	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x		
597	337	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x	x	x	
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU				
598	2	Điều trị bằng sóng cực ngắn	x	x		
599	18	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	x
600	19	Điều trị bằng bồn xoáy hoặc bể sục	x	x		

CC-

		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU				
601	35	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
602	41	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x
603	42	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x
604	43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x
605	51	Tập đi với khung treo	x	x	x	x
606	66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x
607	71	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
608	81	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở	x	x		
609	87	Kỹ thuật Frenkel	x	x	x	x
		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU				
610	100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	x	x	x	x
		CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC				
611	118	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	x
	TT21	H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU				
612	167	Tập vận động cột sống	x	x	x	
613	168	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	x	x	x	x
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
	TT43	8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
614	57	Siêu tinh hoàn hai bên	x	x		
615	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		
		QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
616	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị				
617	140	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	x	x		
618	141	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng	x	x		
		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)				
		1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32				
619	149	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
620	150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	

66

621	151	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
622	152	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
623	153	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
624	154	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
625	155	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
626	156	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
627	158	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
628	159	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
629	160	Chụp CLVT hốc mắt	x	x	x	
630	161	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
		4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy				
631	191	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
632	192	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
633	193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x	x	
634	194	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x	x	
635	195	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
636	196	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
637	197	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
		7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1- 32 dãy				
638	219	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-	x	x	x	
639	220	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x	x	
640	221	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt	x	x	x	
641	222	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x	x	
642	223	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và	x	x		
643	224	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		

CLT

644	225	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
645	226	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
646	227	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
647	228	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
648	229	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
649	230	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
		10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ				
650	255	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x		
651	256	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản	x	x		
652	257	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
653	258	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản	x	x		
654	259	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm	x	x		
655	260	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc	x	x		
656	261	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm	x	x		
657	262	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc	x	x		
658	264	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản	x	x		
659	265	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản	x	x		
660	266	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
661	267	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
		XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		Đ. TIÊU HÓA - Ổ BỤNG				
662	67	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá	x	x		
663	80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x	
664	81	Nội soi đại tràng sigma	x	x	x	
665	82	Soi trực tràng	x	x	x	
		G. KHỚP				
666	96	Nội soi khớp điều trị	x			
667	97	Nội soi khớp chẩn đoán	x	x		
		XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
668	12	Holer điện tâm đồ	x	x		
669	102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA	x	x	x	
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU				
		C. TẾ BÀO HỌC				

Ch

670	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
671	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (phương pháp thủ công)	x	x	x	
		XXIII. HÓA SINH				
		A. MÁU				
672	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
673	98	Định lượng Insulin	x	x		
674	142	Định lượng RF (Reumatoid Factor)	x	x		
		B. NƯỚC TIỂU				
675	189	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)	x	x		
676	201	Định lượng Protein nước tiểu	x	x	x	
		XXIV. VI SINH				
		A. VI KHUẨN				
		<i>6. Các vi khuẩn khác</i>				
677	94	Streptococcus pyogenes ASO	x	x	x	x
678	99	Treponema pallidum RPR định tính và định lượng	x	x		
679	119	HBsAg miễn dịch tự động	x	x		
680	121	HBsAg định lượng	x	x		
681	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
682	124	HBsAb định lượng	x	x		
683	126	HBc IgM miễn dịch tự động	x	x		
684	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
685	129	HBc total miễn dịch tự động	x	x		
686	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
687	268	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	x
		XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC				
688	1	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu	x	x	x	
689	2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn	x	x	x	x
690	20	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	x	x	x	
691	22	Tế bào học nước tiểu	x	x	x	
692	26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	x	x	x	
693	27	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	x	x		
694	31	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô	x	x	x	
695	35	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	x	x		
696	37	Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin	x	x		
697	59	Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô phát hiện HP	x	x		
698	60	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	x	x		

Ct

699	74	Nhuộm phiên đồ tế bào theo Papanicolaou	x	x	x	
700	77	Nhuộm May Grunwald – Giemsa	x	x	x	
701	79	Cell bloc (khối tế bào)	x	x		
702	89	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	x	x	x	x
		XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG				
		1. Khớp vai				
703	438	Phẫu thuật nội soi tạo hình móm cùng vai	x	x		
704	439	phương pháp Latarjet	x			
705	440	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	x			
706	441	Phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay	x			
707	442	ra sau	x			
708	443	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x			
709	444	Phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn	x			
710	445	Phẫu thuật nội soi đính lại điểm bám gân nhị đầu	x			
711	446	Phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu	x			
712	447	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai	x			
713	448	Phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	x			
714	449	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x			
715	450	Phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực	x			
		2. Khớp khuỷu				
716	451	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu	x	x		
717	452	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu	x			
718	453	Phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khuỷu	x			
719	454	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm móm trên lõi cầu ngoài	x			
		3. Khớp cổ tay				
720	455	Phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x			
721	456	Phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay	x			
722	457	Phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sọ tam giác	x			
		4. Khớp háng				
723	458	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng	x			
724	459	Phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối	x			

65

		5. Khớp gối				
725	462	Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm	x			
726	464	Phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy	x	x		
727	465	Phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân	x			
728	471	kỹ thuật hai bó	x			
729	472	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh chè	x			
730	473	khớp vùng gối	x			
731	474	gân xương bánh chè đồng loại 1 bó	x			
732	475	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân xương bánh chè đồng loại 2 bó	x			
733	476	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 1 bó	x			
734	477	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 2 bó	x			
735	478	Phẫu thuật nội soi tái tạo đồng thời nhiều dây chằng (chéo trước, chéo sau) bằng gân đồng loại	x			
736	479	Phẫu thuật nội soi điều trị khớp gối bằng gân đồng loại (nội soi tái tạo dây chằng chéo trước, chéo sau,	x			
737	480	Phẫu thuật nội soi điều trị vỡ xương bánh chè	x			
		6. Khớp cổ chân				
738	482	Phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân	x			
739	483	Phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên	x			
740	484	Phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân	x			
741	485	Phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái	x			
742	486	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	x			

CL

Tổng số kỹ thuật: 742((Bảy trăm bốn mươi hai kỹ thuật)